TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 20-9-2017.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Toàn.

2. Ông Vũ Tiến Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nhâm Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2017/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 8 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 21/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị H, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Nơi ĐKHKTT: tổ 27, phường HD, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: tổ 38, phường HD, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn D, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Nơi cư trú: tổ 27, phường HD, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

3. Người làm chứng:

3.1. Bà Trần Thị T, sinh năm 1947 (vắng mặt);

Nơi cư trú: tổ 27, phường HD, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

3.2. Ông Hà Văn M - Tổ trưởng tổ 27, phường HD, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày:***

Chị Dương Thị H và anh Phạm Văn D tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường HD, thành phố T, tỉnh Thái Bình vào ngày 04/01/1996. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D hay uống rượu, sau đó về nhà đánh đập chị H, vợ chồng thường xảy ra va chạm, cãi vã. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Cuối năm 2004, chị H đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không có khả năng đoàn tụ, do đó chị Dương Thị H xin ly hôn anh Phạm Văn D. Việc ly hôn chị H đã suy nghĩ kỹ và hoàn toàn tự nguyện.

Chị H và anh D có 02 con chung là Phạm Thị Kim D1, sinh ngày 16/10/1996 và Phạm Duy H1, sinh ngày 30/7/2003.

Con Phạm Thị Kim D1 đã trên 18 tuổi, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần, tự lập về kinh tế nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con đối với con D1.

Ly hôn, chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dạy con Phạm Duy H1 và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con H1.

Chị H đề nghị tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, chị và anh D không có tài sản cho vay và không vay nợ ai tài sản gì, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

**** Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Văn D trình bày:***

Anh D thống nhất với nội dung về hôn nhân và về nuôi con chung như chị H yêu cầu. Ngoài ra, anh D đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản anh và chị Dương Thị H tạo dựng được trong thời kỳ hôn nhân gồm: 01 căn nhà mái bằng 01 tầng diện tích 40m^2 cùng công trình phụ 15m^2 mái bằng tách rời trên diện tích 100m^2 vườn canh tác của bố mẹ đẻ anh là ông Phạm Văn G, sinh năm 1938 (đã chết) và bà Trần Thị T, sinh năm 1949 tại tổ 27, phường HD, thành phố T, tỉnh Thái Bình (hiện tại nhà đất trên chưa có giấy tờ chuyển quyền sử dụng đất

của cha mẹ cũng như không có giấy tờ chứng minh là anh D, chị H); 500m^2 đất vườn ao theo định suất của anh D được chia tách từ ruộng chung của hộ gia đình ông Phạm Văn G, bà Trần Thị T; 01 căn nhà 02 tầng xây dựng năm 2017 trên diện tích đất ở 70m^2 tại tổ 38, phường HD, thành phố T, tỉnh Thái Bình, nhà đất mang tên chị H, hiện chị H và hai con đang sinh sống tại căn nhà này.

**** Tại biên bản xác minh ngày 08/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình với đại diện của tổ dân phố số 27, phường HD, và đại diện chính quyền địa phương phường HD, thành phố T, tỉnh Thái Bình có nội dung:***

Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa chị Dương Thị H và anh Phạm Văn D, đại diện chính quyền địa phương cung cấp như chị H đã trình bày. Sau khi kết hôn, anh D và chị H chung sống cùng bố mẹ đẻ anh D tại tổ 27, phường HD, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Trong quá trình chung sống, giữa anh D và chị H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi nhau. Nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng tính cách, kinh tế gia đình khó khăn, anh D hay uống rượu, sau đó về đánh chửi chị H. Năm 2004, chị H đã đưa các con về nhà bố mẹ đẻ tại tổ 38, phường HD, thành phố T, tỉnh Thái Bình sinh sống. Trong thời gian anh D và chị H sống ly thân, anh D có tình cảm và chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, căng thẳng, không có khả năng hòa giải.

Đối với việc chị Dương Thị H xin ly hôn anh Phạm Văn D, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con đối với hai cháu Phạm Thị Kim D1 và Phạm Duy H1 và việc phân chia tài sản giữa chị H và anh D trong trường hợp anh chị ly hôn, đại diện chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Tại biên bản xác minh ngày 08/8/2017, bà Trần Thị T là mẹ đẻ anh Phạm Văn D trình bày:***

Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh D, bà Trần Thị T trình bày như phía đại diện tổ dân phố và chính quyền địa phương cung cấp. Mặc dù xác định mâu thuẫn giữa anh D, chị H đã thực sự trầm trọng, căng thẳng kéo dài, tuy nhiên về phía gia đình vẫn mong anh D chị H đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái, còn việc quyết định ly hôn là quyền của anh D, chị H. Sau khi nhận được thông báo của Tòa án về việc chị H xin ly hôn, anh D đã trình bày ý kiến tại Tòa án, anh D cũng trao đổi lại với gia đình giữa anh D và chị H không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên anh D cũng đồng ý ly hôn chị H.

Về vấn đề nuôi con chung và chia tài sản khi chị H, anh D ly hôn, bà Trần Thị T đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Do anh D

không có tiền nên không nộp tạm ứng án phí chia tài sản theo yêu cầu của Tòa án.

Bà Trần Thị T không có tranh chấp về tài sản với anh D và chị H, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên:***

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thị Kim D1, sinh ngày 16/10/1996 và Phạm Duy H1, sinh ngày 30/7/2003. Hiện con D1 đã trên 18 tuổi, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không xem xét giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con H1 cho chị Dương Thị H trực tiếp nuôi dạy, anh D không phải cấp dưỡng cho con do chị H không yêu cầu.

Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Dương Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn D, anh Phạm Văn D hiện đang cư trú trên địa bàn thành phố T, tỉnh Thái Bình, do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phạm Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt nguyên đơn chị Dương Thị H và bị đơn anh Phạm Văn D.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Dương Thị H và anh Phạm Văn D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp.

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình quy định: "*1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".*

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh D là có và đã thực sự trầm trọng, giữa chị H, anh D không có sự tôn trọng, yêu thương lẫn nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng vì trong quá trình chung sống anh D thường xuyên uống rượu, sau đó đánh chửi chị H, chị H, anh D đã có thời gian dài sống ly thân, trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh D có quan hệ tình cảm và chung sống với người phụ nữ khác; hôn nhân giữa chị H, anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị Dương Thị H xin ly hôn anh Phạm Văn D, anh D cũng đồng ý ly hôn, vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị H.

[3] Về nuôi con chung: Chị Dương Thị H và anh Phạm Văn D có hai con chung là Phạm Thị Kim D1, sinh ngày 16/10/1996 và Phạm Duy H1, sinh ngày 30/7/2003.

Cháu Phạm Thị Kim D1 đã trên 18 tuổi, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần, tự lập về kinh tế, chị H và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con đối với cháu D1, vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Chị Dương Thị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dạy cháu Phạm Duy H1 và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con H1, anh D nhất trí, cháu Phạm Duy H1 cũng có nguyện vọng được sống cùng chị H trong trường hợp chị H, anh D ly hôn, do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị H.

[4] Về chia tài sản: Nguyên đơn chị Dương Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Văn D yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của anh và chị Dương Thị H trong thời kỳ hôn nhân. Tòa án xác định yêu cầu chia tài sản của anh Phạm Văn D là yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn. Theo quy định tại Điều 193, khoản 2 Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự, anh Phạm Văn D có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh và nộp tạm ứng án phí cho yêu cầu chia tài sản của

anh. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ và Thông báo nộp tạm ứng án phí chia tài sản cho anh D nhưng hết thời hạn pháp luật quy định, anh D không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không nộp tạm ứng án phí chia tài sản, anh D cũng không thuộc trường hợp được miễn, giảm tạm ứng án phí. Bà Trần Thị T là mẹ đẻ của anh D không có tranh chấp về tài sản với anh D và chị H, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ điểm d, e khoản 1 Điều 192, Điều 200, Điều 202 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản trong vụ án này. Anh Phạm Văn D có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 146, Điều 147, điểm d, e khoản 1 Điều 192, Điều 200, Điều 202, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Dương Thị H và anh Phạm Văn D.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Phạm Duy H1, sinh ngày 30/7/2003 cho chị Dương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Anh Phạm Văn D không phải cấp dưỡng cho con.

2.3. Anh Phạm Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng cho con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3. Về chia tài sản:

Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Dương Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị H nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0006468 ngày 17/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Dương Thị H và bị đơn anh Phạm Văn D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND phường HD, TP. Thái Bình);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Linh Nga